

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy năng lượng xanh Thiện Hoàng của Công ty TNHH gỗ Thành Đạt

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Nhà máy năng lượng xanh Thiện Hoàng của Công ty TNHH gỗ Thành Đạt tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định Báo cáo ĐTM ngày 11/11/2021;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Nhà máy năng lượng xanh Thiện Hoàng thực hiện tại xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 16/CV-TĐ ngày 05/5/2022 của Công ty TNHH gỗ Thành Đạt;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 386/TTr-STNMT ngày 16/5/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM dự án Nhà máy năng lượng xanh Thiện Hoàng thực hiện tại xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH gỗ Thành Đạt (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của Chủ dự án

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của dự án tại trụ sở UBND xã Nhơn Thọ theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước khi dự án đi vào vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức.

4. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do quá trình thi công, xây dựng và hoạt động dự án gây ra.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã An Nhơn;
- UBND xã Nhơn Thọ;
- Công ty TNHH gỗ Thành Đạt;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN NHÀ MÁY NĂNG LƯỢNG XANH THIÊN HOÀNG
CỦA CÔNG TY TNHH GỖ THÀNH ĐẠT

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

- 1.1. Tên dự án: Nhà máy năng lượng xanh Thiên Hoàng.
- 1.2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH gỗ Thành Đạt.
- 1.3. Địa chỉ trụ sở chính: số 982, đường Hùng Vương, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- 1.4. Địa điểm thực hiện: xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.
- 1.5. Quy mô, công suất dự án: xây dựng trên khu đất có tổng diện tích 39.456,9 m² với công suất 120.000 tấn sản phẩm/năm.
- 1.6. Công nghệ:
 - Nguyên liệu (gỗ tự nhiên và gỗ phế phẩm) → Băm → Nghiền thô → Sấy khô → Nghiền tinh, phối trộn → Ép viên → Làm nguội → Sàng rung → Kiểm tra và đóng bao → Thành phẩm.
- 1.7. Các hạng mục, công trình chính của dự án: 01 nhà điều hành, 01 xưởng cơ khí, 01 xưởng sản xuất, 01 kho thành phẩm, 01 bãi chứa nguyên liệu, 01 sân phơi, 01 bãi chứa dăm bào, 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, 01 hệ thống xử lý nước rỉ từ bãi chứa nguyên liệu, sân phơi và bãi chứa dăm; 01 hệ thống xử lý khí thải lò đốt, 01 hệ thống xử lý bụi.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

- 2.1. Các tác động môi trường chính của dự án
 - Giai đoạn thi công: nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, bụi và khí thải.
 - Giai đoạn hoạt động: bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm của nhà máy, hoạt động băm dăm, sản xuất viên nén; nước thải sinh hoạt; nước mưa chảy tràn qua bãi chứa nguyên liệu, nước rỉ từ bãi chứa dăm và bãi chứa nguyên liệu; nước xả đáy hệ thống xử lý khí thải lò đốt; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất; bùn thải từ hệ thống xử lý khí thải, chất thải nguy hại.
- 2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải
 - a. Giai đoạn thi công xây dựng
 - Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu; bụi từ hoạt động thi công, xây dựng công trình; khí thải phát sinh do hoạt động hàn cắt; bụi từ quá trình tập kết nguyên vật liệu và thi công xây dựng.

- Tính chất của bụi, khí thải: ở trạng thái rắn, khí.

b. Giai đoạn hoạt động

- Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu quá trình sản xuất và sản phẩm của nhà máy; bụi phát sinh từ quá trình băm, nghiền thô, nghiền tinh và ép viên; bụi và khí thải phát sinh từ lò đốt.

- Tính chất của bụi, khí thải: ở trạng thái rắn, khí.

2.3. Quy mô, tính chất của nước thải

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân phát sinh khoảng 0,72 m³/ngày.đêm.

- Nước thải xây dựng từ quá trình rửa thiết bị thi công phát sinh khoảng 01 m³/ngày.đêm.

- Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

b. Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân phát sinh khoảng 2,7 m³/ngày.

- Nước mưa chảy tràn qua bãi chứa nguyên liệu, sân phơi (phát sinh vào mùa mưa): phát sinh khoảng 1.049,2 m³/ngày.

- Nước rỉ từ bãi chứa dăm (phát sinh vào mùa mưa): phát sinh khoảng 53,02 m³/ngày.

- Nước rỉ từ bãi chứa nguyên liệu (phát sinh vào mùa mưa): phát sinh khoảng 26 m³/ngày.

- Nước xả cặn hệ thống xử lý khí thải lò đốt: phát sinh 03 tháng/lần với lưu lượng khoảng 0,5 m³.

- Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn (CTR) công nghiệp thông thường

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khối lượng khoảng 13,7 kg/ngày.

- Chất thải rắn xây dựng bao gồm gạch vỡ, đá, xi măng, sắt thép, giấy, bao xi măng, xà bần,... phát sinh khoảng 2-3 kg/ngày.

b. Giai đoạn hoạt động

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 67,5 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường: tro xỉ phát sinh khoảng 2,88 tấn/ngày; bao bì thải các loại phát sinh khoảng 10 - 20 kg/ngày, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phát sinh khoảng 0,09 m³/ngày.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH):

a. Giai đoạn thi công xây dựng: gồm dầu mỡ, giẻ lau dính dầu mỡ, pin, ắc quy chì thải, bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in,... phát sinh khoảng 79 kg.

b. Giai đoạn hoạt động: gồm dầu mỡ, giẻ lau dính dầu mỡ, pin, ắc quy chì thải, bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in,... phát sinh khoảng 138 kg/năm.

Tính chất của CTNH: chứa các yếu tố độc hại, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Về xử lý bụi, khí thải

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu: vệ sinh các phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường, có bạt phủ kín không để rơi vãi đất, đá.

- Phun nước giảm thiểu bụi tại khu vực thi công 02 lần/ngày.

b. Giai đoạn hoạt động

- Bụi phát sinh tại khu vực băm dăm

+ Hệ thống máy băm được đặt ngầm dưới hố móng, làm giảm khả năng phát tán bụi trong quá trình băm dăm. Các băng tải có khung che bằng kim loại (sắt, inox, nhôm...), máng hình vòng cung, bao kín bề mặt băng tải.

+ Thường xuyên vệ sinh mặt bằng, khu vực nhà xưởng, khu vực băm dăm và sân đường nội bộ, tần suất 2 - 3 lần/ngày.

+ Trồng cây xanh cách ly xung quanh dự án có tổng diện tích là 12.234,5 m².

- Bụi từ quá trình sản xuất viên nén.

+ Sử dụng vít tải kín để vận chuyển nguyên liệu đến các công đoạn sản xuất tiếp theo.

+ Lắp đặt dây chuyền công nghệ sản xuất khép kín. Mỗi công đoạn sản xuất như nghiền, sấy, ép, bụi phát sinh được quạt hút thu gom về hệ thống xử lý bụi.

+ Đối với bụi phát sinh từ quá trình nghiền thô, nghiền tinh, sấy, ép viên được thu gom dẫn về hệ thống xử lý bụi.

+ Sơ đồ công nghệ xử lý:

Bụi gỗ → Chụp hút → Quạt hút → Cyclone → Túi vải lọc bụi → Kho chứa bụi.

+ Quá trình vận hành: vận hành thường xuyên, liên tục.

- Đối với khí thải lò đốt: khí thải phát sinh được thu gom dẫn về hệ thống xử lý, xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT; khí thải sau xử lý được thoát qua ống khói có đường kính $D = 1,4\text{m}$, cao 22 m.

+ Sơ đồ công nghệ xử lý:

Khí thải lò đốt → Quạt hút → Cyclone → Tháp hấp thụ bằng dung dịch kiềm → Khí sạch thoát ra ống khói cao 22 m.

+ Quy trình vận hành: vận hành thường xuyên, liên tục.

3.2. Về thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn:

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh hiện hữu đã xây dựng.

- Nước thải xây dựng: được thu gom, lắng bùn cát trước khi thải ra môi trường.

- Nước mưa chảy tràn: tạo các mương thoát nước theo địa hình tự nhiên.

b. Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt: xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất $7\text{ m}^3/\text{ngày}$, xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, $K = 1,2$, sau đó theo đường ống HPDF D300 đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của thị xã An Nhơn nằm ở phía Bắc của nhà máy (tọa độ điểm đầu nối: 585.321; 1.532.575).

+ Sơ đồ công nghệ:

Nước thải đầu vào → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hệ thống thoát nước chung của thị xã An Nhơn.

+ Quy trình vận hành: hệ thống xử lý được thiết kế tự động, vận hành thường xuyên, liên tục.

- Nước rỉ từ bãi chứa nguyên liệu, sân phơi, nước rỉ dăm và nước xả cặn hệ thống xử lý khí thải lò đốt được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải có công suất $95\text{ m}^3/\text{ngày}$, xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,2$, sau đó theo đường ống HPDF D300 đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của thị xã An Nhơn (tọa độ điểm đầu nối: 585.321; 1.532.575).

+ Sơ đồ công nghệ:

Nước rỉ từ bãi chứa nguyên liệu, bãi chứa dăm và nước xả cặn hệ thống xử lý khí thải lò đốt → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể keo tụ, tạo bông + lắng → Bể phản ứng oxy hóa → Bể lọc cát → Hồ ga → Hệ thống thoát nước chung của thị xã An Nhơn ở phía Bắc của Nhà máy.

+ Quy trình vận hành: hệ thống xử lý nước thải được thiết kế vận hành ở 02 chế độ: chế độ tự động và chế độ không tự động.

- Nước mưa chảy tràn qua bãi chứa nguyên liệu được thu gom dẫn về bể lắng lọc 2 ngăn sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của thị xã An Nhơn.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR công nghiệp thông thường và CTNH:

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt: bố trí thùng chứa rác có nắp đậy và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom đến thu gom và đưa đi xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải rắn xây dựng: được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng.

- Chất thải nguy hại: thu gom vào các thùng có nắp đậy kín và bố trí lưu vực lưu giữ đảm bảo theo quy định (có mái che...), định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến vận chuyển và đưa đi xử lý theo đúng quy định.

b. Giai đoạn hoạt động

- Chất thải sinh hoạt: trang bị thùng rác có nắp đậy hợp vệ sinh, hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Bố trí khu vực lưu giữ có diện tích 40 m² trong khu vực sản xuất của nhà máy.

+ Tro xỉ: tận dụng để bón lót cho cây xanh trong nhà máy, phần dư sẽ bán cho các đơn vị có nhu cầu thu mua để sản xuất phân bón.

- Định kỳ thuê đơn vị chức năng đến thu gom và xử lý bùn, chất thải nguy hại theo đúng quy định.

- Chất thải nguy hại: bố trí khu vực lưu giữ có diện tích 10 m², đảm bảo theo quy định. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Thường xuyên bảo dưỡng và kiểm tra máy móc, thiết bị.

- Thời gian hoạt động của máy bơm dầm từ 07 giờ đến 18 giờ hằng ngày.

- Chân đế máy móc, thiết bị được lắp cố định và chắc chắn vào sàn, lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su để giảm rung.

- Tăng cường trồng cây xanh cách ly giữa khu sản xuất với các khu khác trong nhà máy và xung quanh tường rào nhà máy theo quy hoạch được duyệt.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Thực hiện các quy định định về an toàn lao động.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện phòng cháy chữa cháy: bình chữa cháy cầm tay, họng chữa cháy, bể chứa nước.

- Lắp đặt các biển báo cấm và biển báo nguy hiểm trong khu vực sản xuất và trong khuôn viên của nhà máy.

- Vận hành đúng quy trình của hệ thống xử lý xử lý khí thải, nước thải; thường xuyên kiểm tra và khắc phục các sự cố; lập sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải, khí thải.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- Hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải.
- 01 hệ thống xử lý khí thải lò đốt.
- 01 hệ thống xử lý bụi.
- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt có công suất 7 m³/ngày.đêm.
- Hệ thống xử lý nước rỉ từ bãi chứa nguyên liệu, bãi chứa dăm và nước xả cặn hệ thống xử lý khí thải lò đốt có công suất 95 m³/ngày.đêm.
- Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 10 m².
- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 10 m².
- Khu vực lưu giữ chất thải rắn sản xuất có diện tích 40 m².
- Trồng cây xanh với tổng diện tích là 12.234,5 m² (chiếm 31% diện tích nhà máy).

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án: thực hiện theo quy định hiện hành.